



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

Ngày 31/12/2025	7,940 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.6%	-1.4%	-3.1%

DT thuần Q4/25
101
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.0 -22.5%
YoY: ▲ 12.4 13.7%

LN thuần Q4/25
5.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.9 -84.5%
YoY: ▲ 2.77 110%

LN sau thuế Q4/25
1.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.2 -94.2%
YoY: ▲ 3.88 163%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
24.7%
YoY: +/-▲ 8.4%

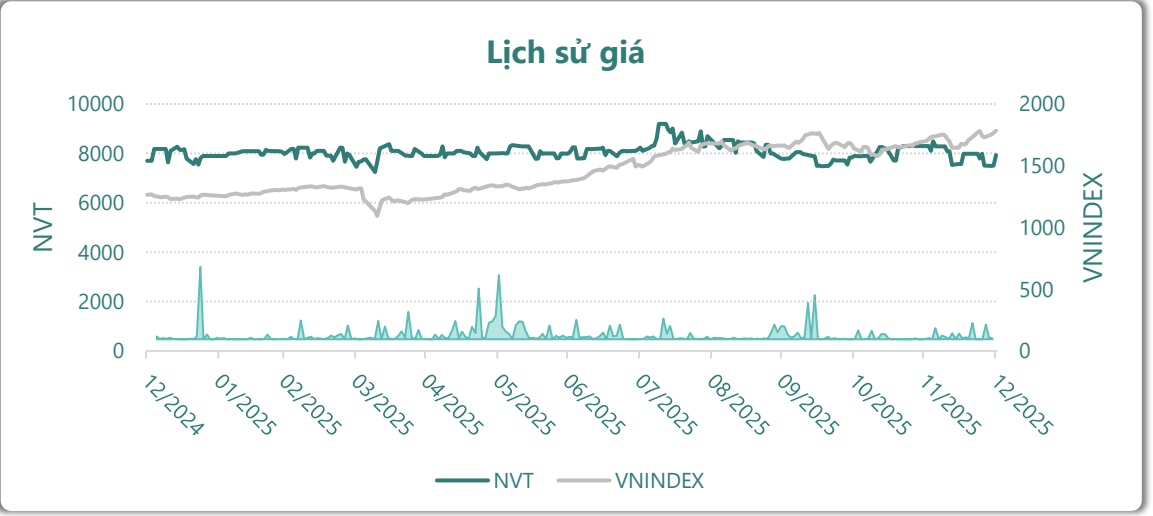
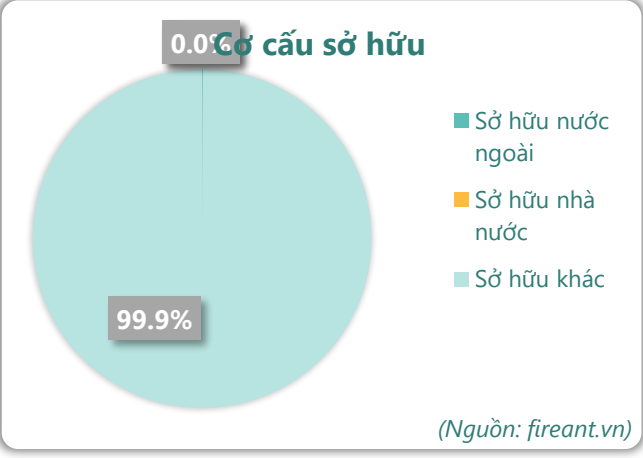
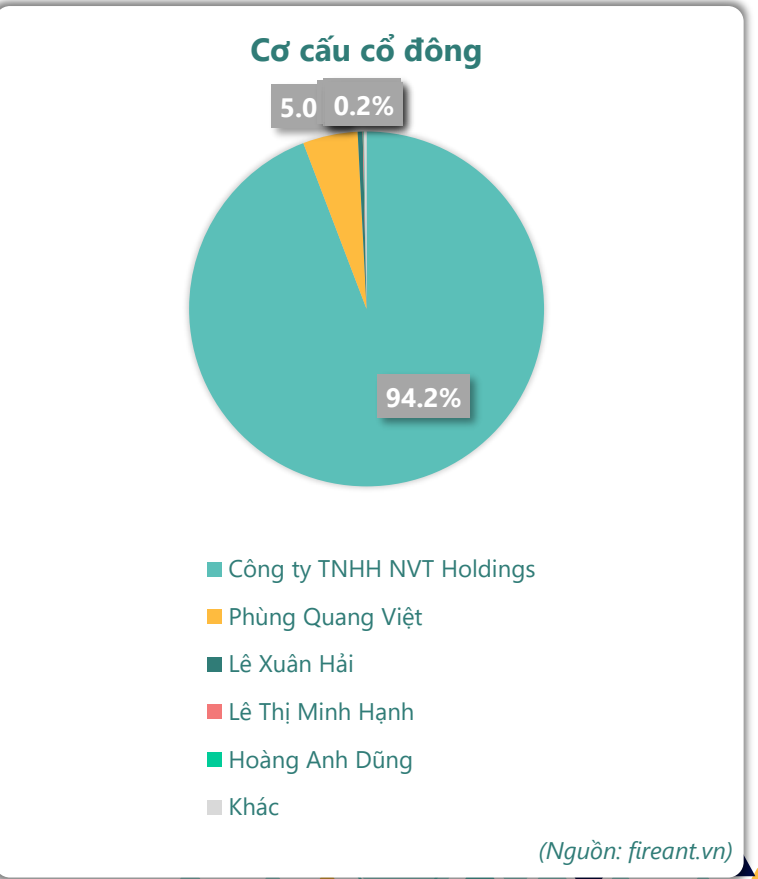
ROE 2025
3.3%
YoY: +/-▲ 5.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,250 - 9,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	719
Số lượng CPLH (CP)	90,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,755
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.28
EPS	195
P/E	40.7

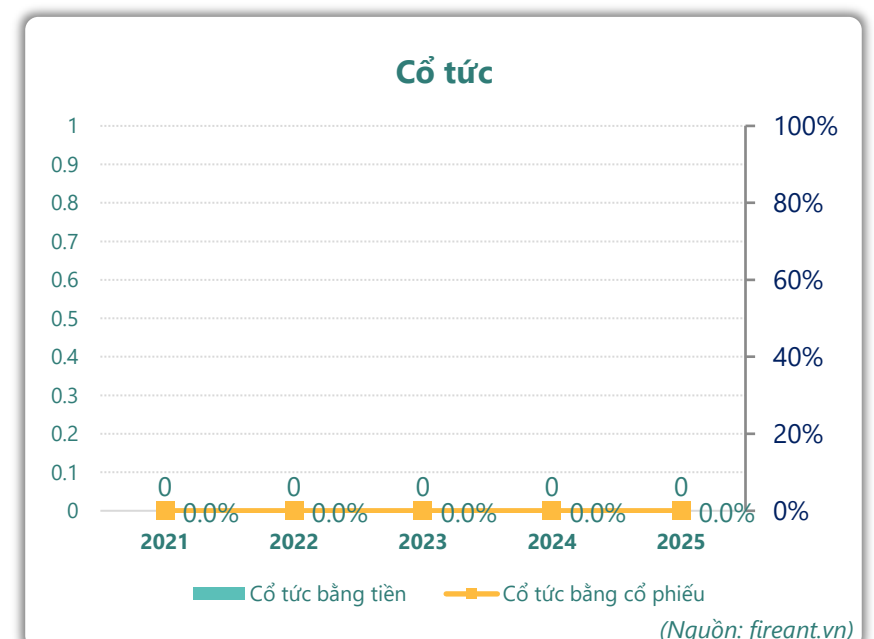
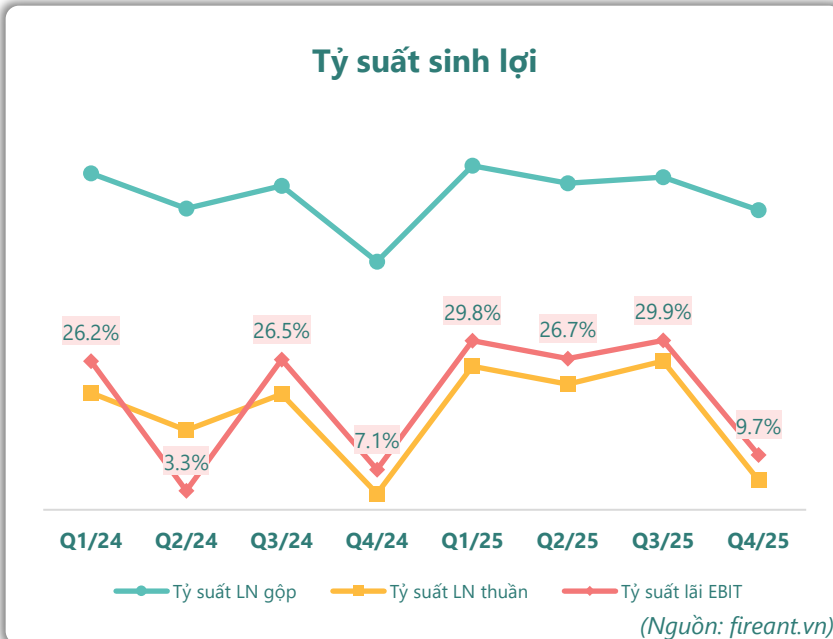
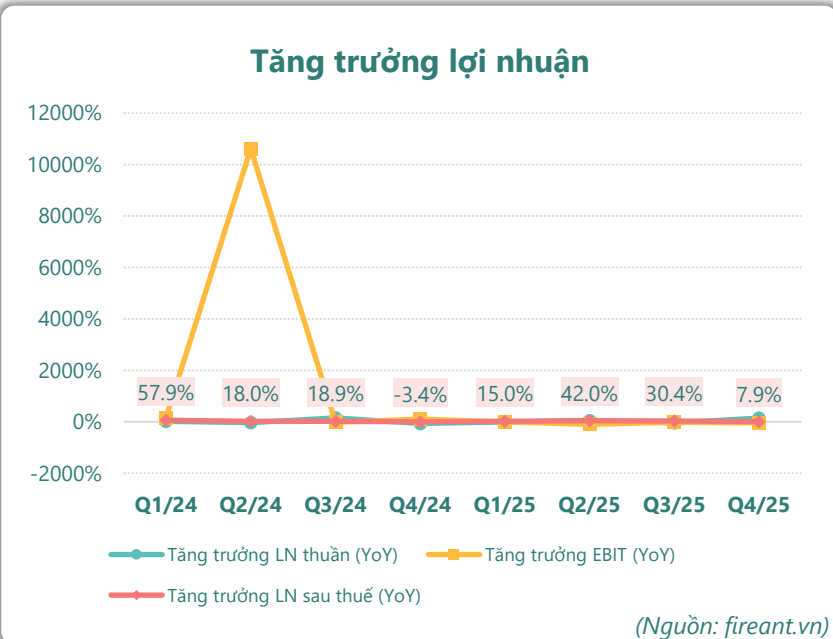
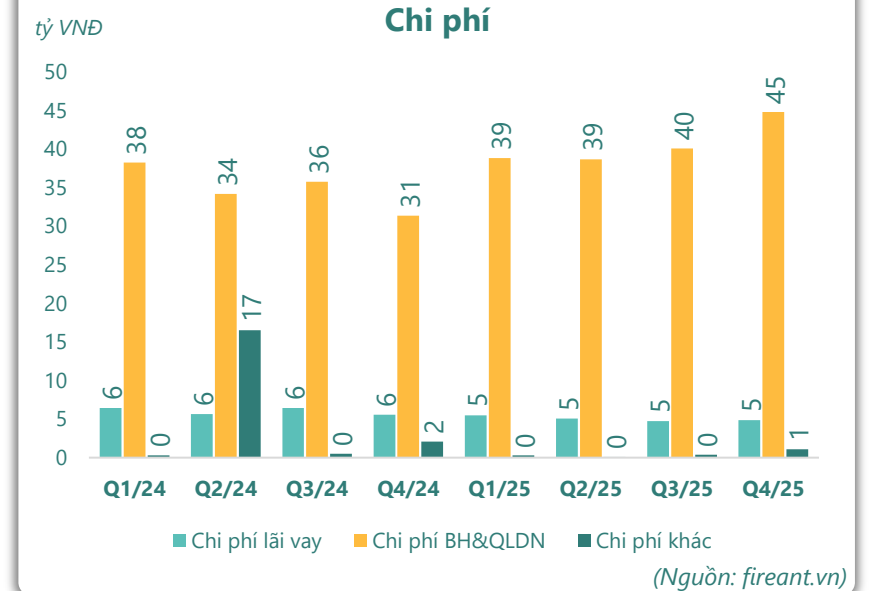
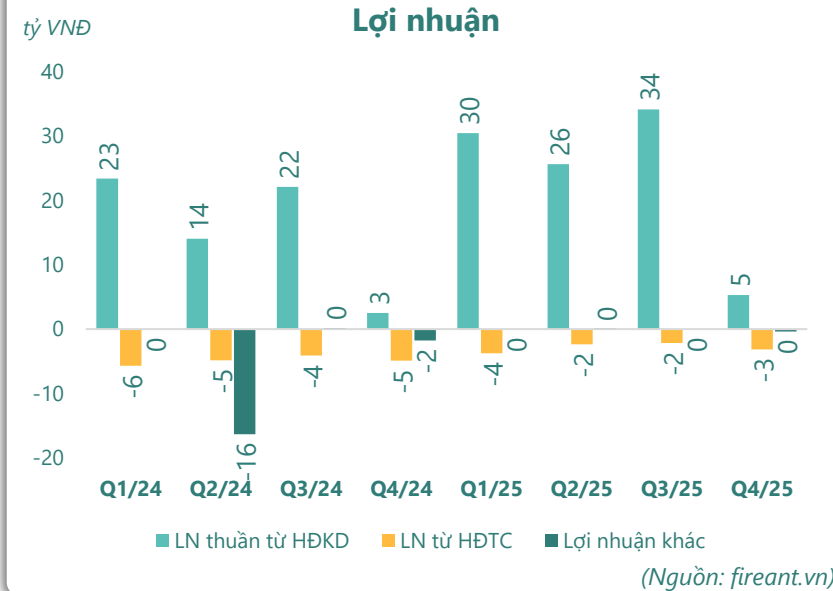
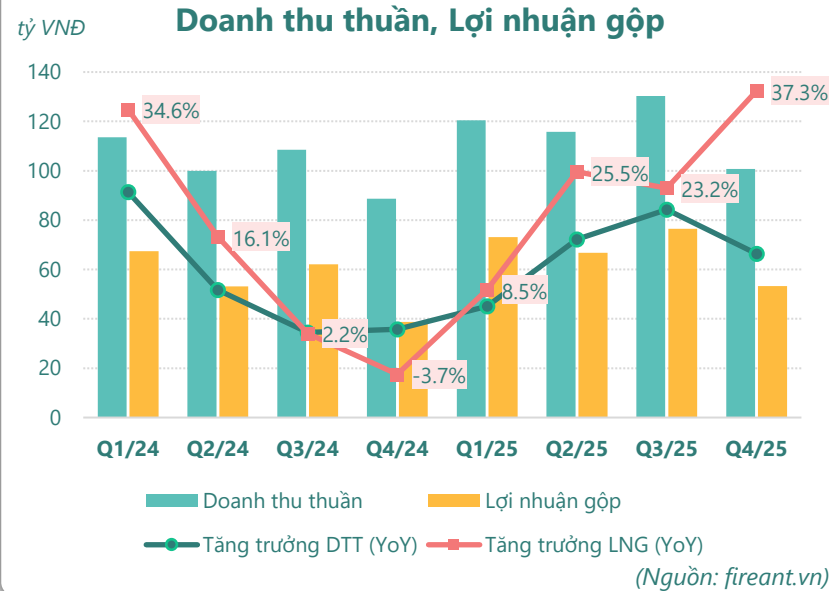
DT thuần 2025
467
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.0 13.8%

LN thuần 2025
95.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.7 54.5%

LN sau thuế 2025
68.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 45.6 199%



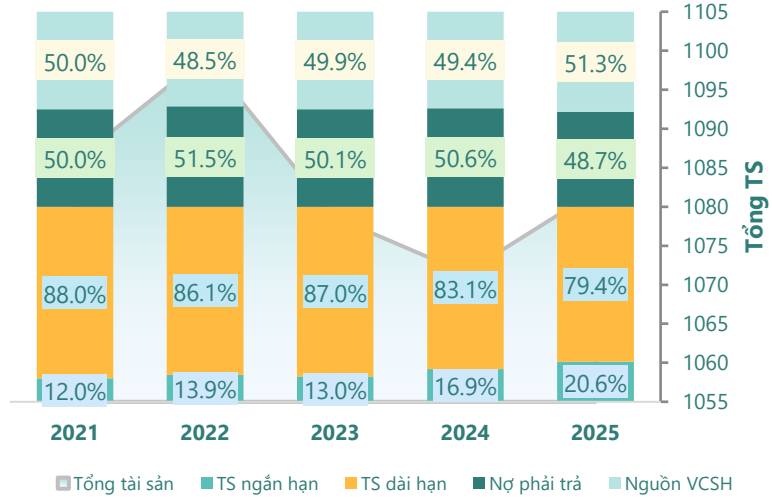
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

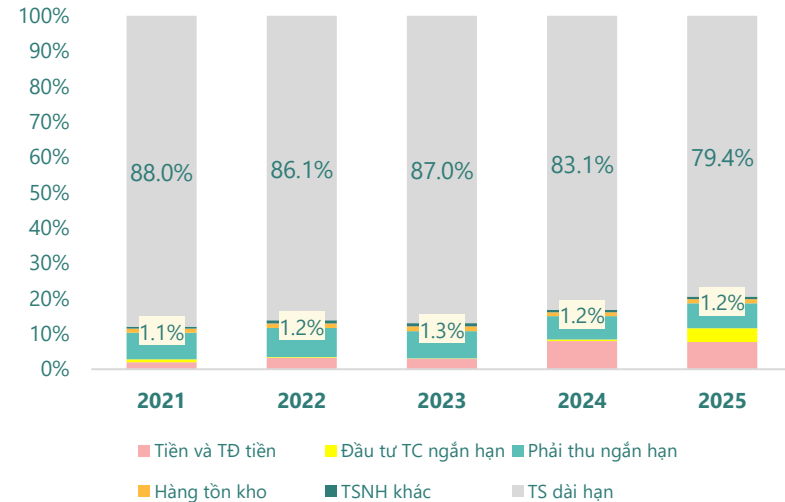
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

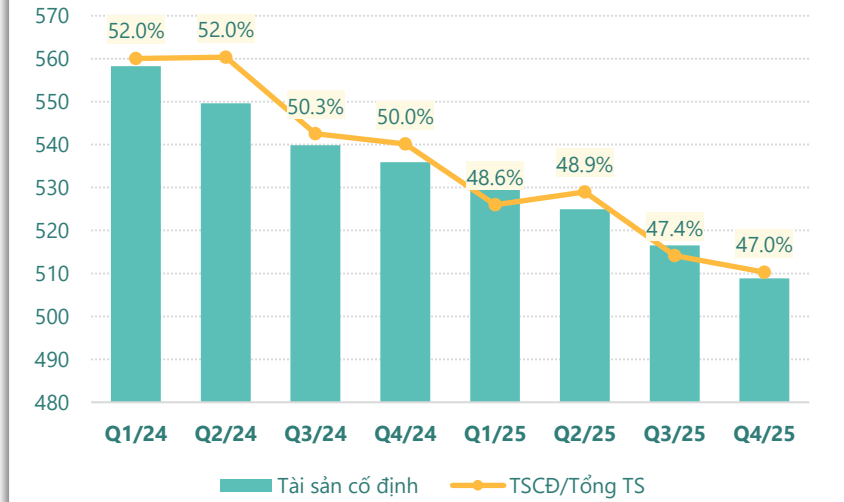
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

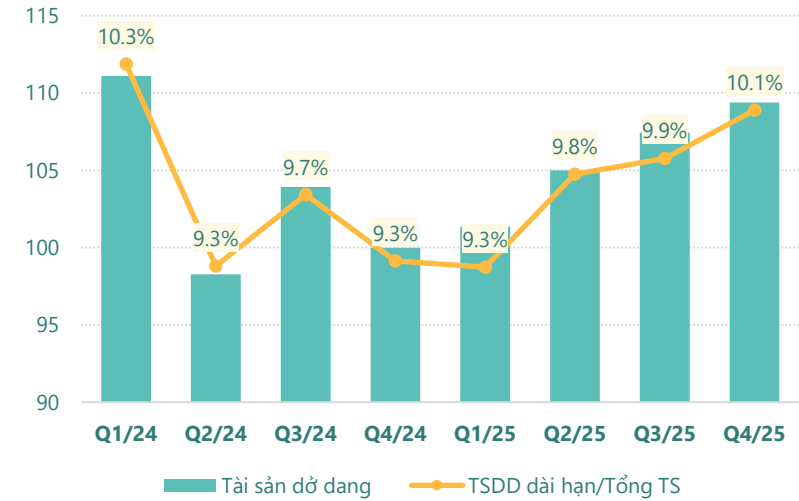
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

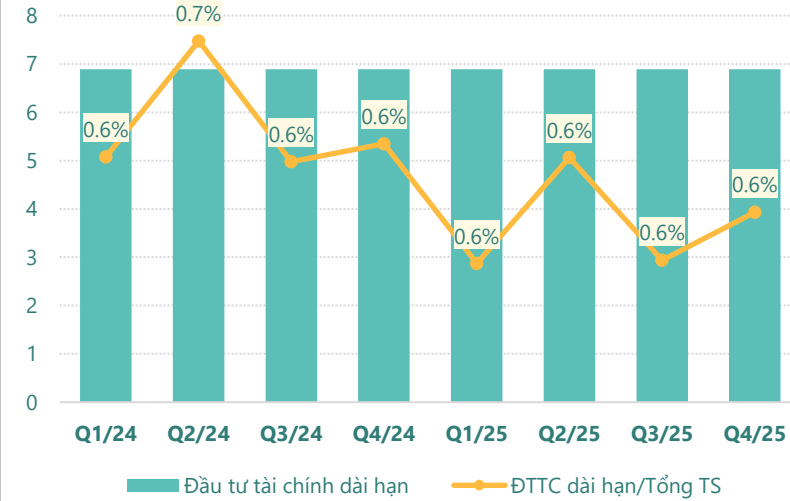
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

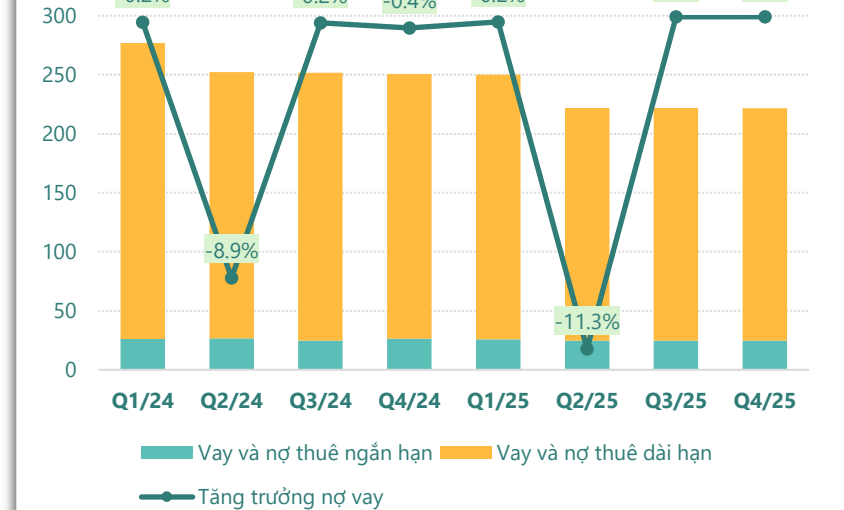
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

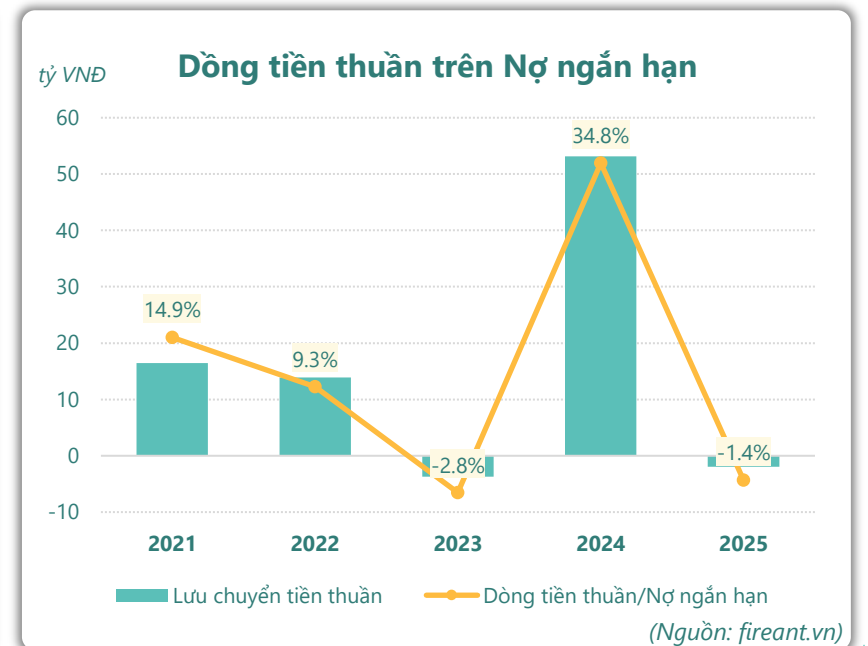
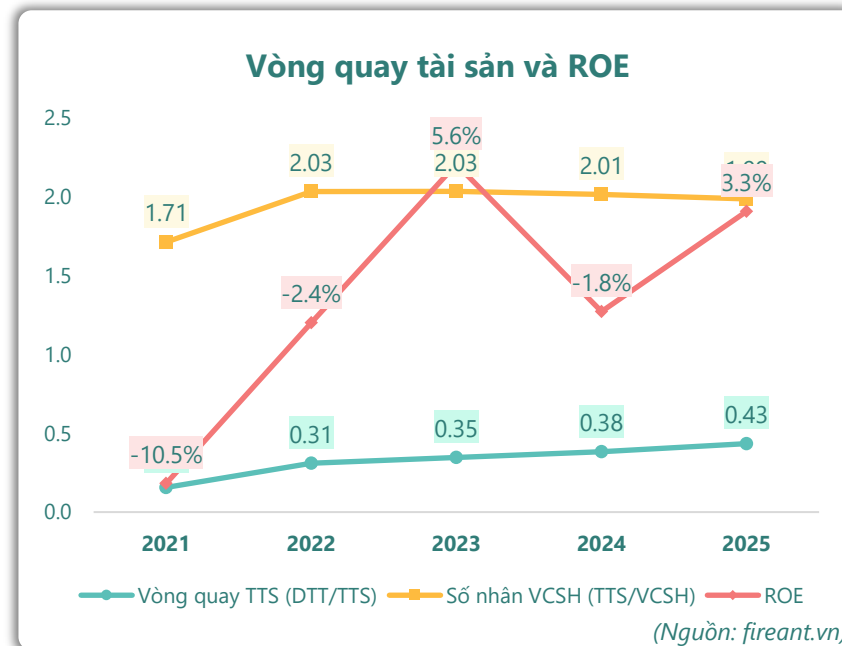
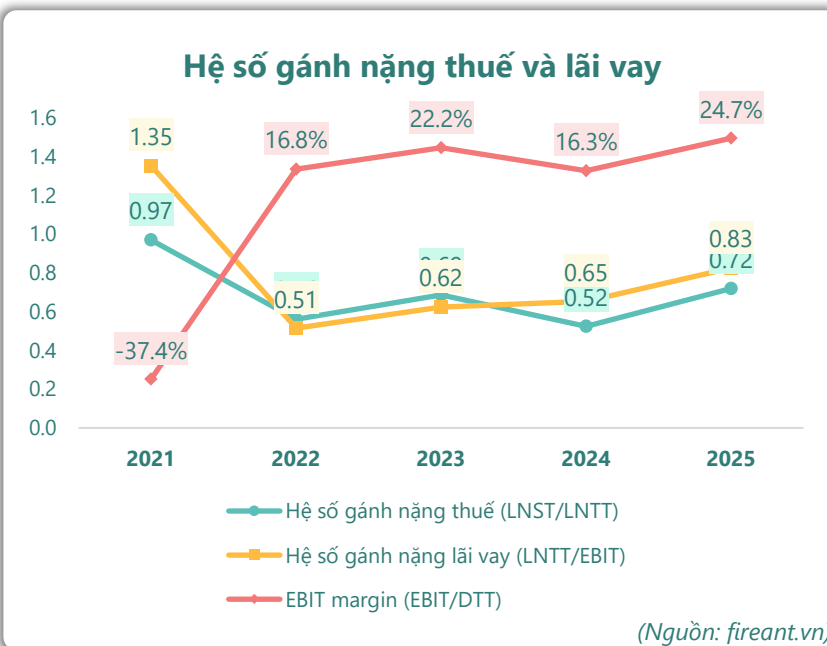
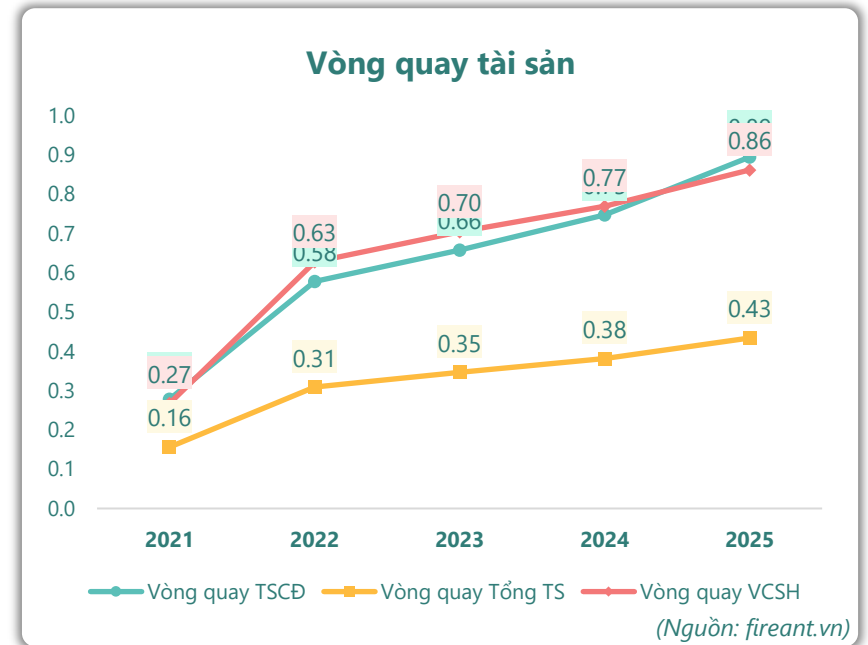
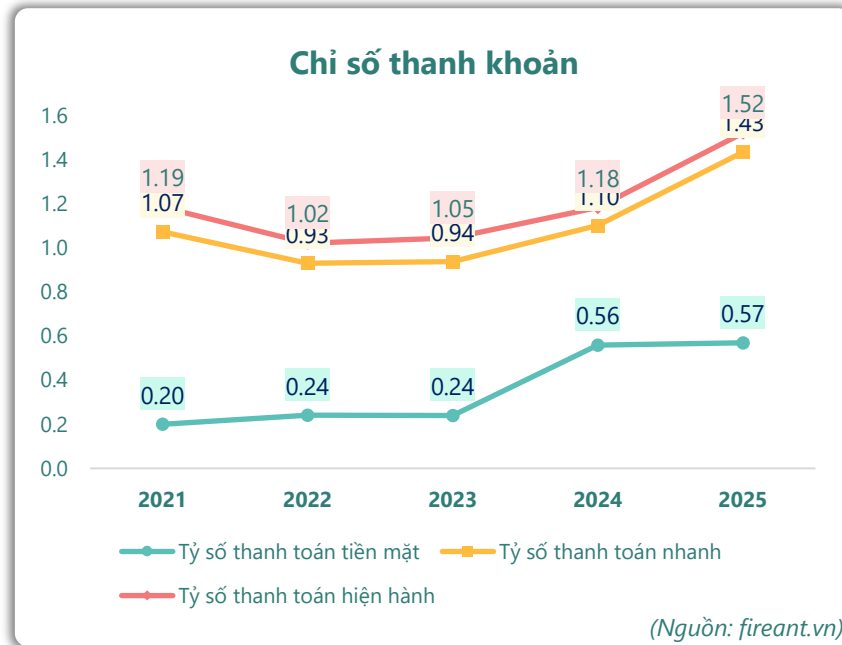
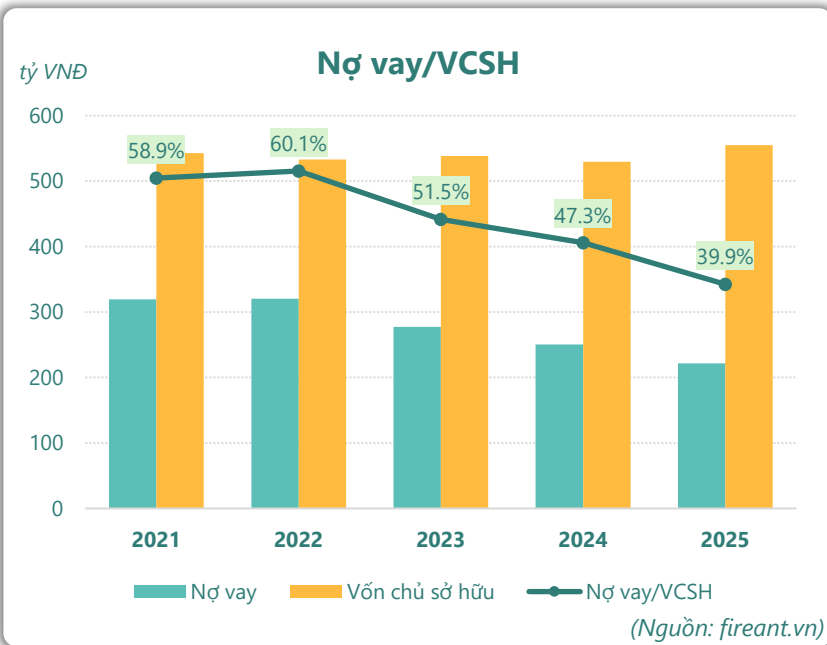
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	101	88.6	13.7%	467	411	13.8%
Giá vốn hàng bán	47.5	49.8	-4.6%	198	187	5.7%
Lợi nhuận gộp	53.3	38.8	37.3%	270	224	20.6%
Doanh thu HĐTC	1.00	1.83	-45.4%	9.90	5.80	70.8%
Chi phí TC	4.18	6.74	-38.0%	21.4	25.4	-15.9%
Chi phí lãi vay	4.85	5.56	-12.7%	20.2	23.3	-13.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	12.7	11.6	9.7%	59.8	51.9	15.2%
Chi phí QLDN	32.1	19.8	62.1%	103	90.1	13.9%
LN thuần từ HĐKD	5.29	2.52	110%	95.6	61.9	54.5%
Lợi nhuận khác	-0.37	-1.79	79.2%	-0.36	-18.2	98.0%
LN trước thuế	4.91	0.73	573%	95.3	43.7	118%
Lợi nhuận sau thuế	1.50	-2.38	163%	68.5	22.9	199%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.65	-6.69	45.5%	17.7	-9.74	281%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.9	40.7	39.4	33.8	43.9	-2.41
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.03	-17.8	0.61	-0.23	-24.2	-24.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.68	-18.2	-7.96	-40.4	-19.7	-0.17
Tiền đầu kỳ	43.4	64.7	85.4	117	111	111
Lưu chuyển tiền thuần	21.3	4.70	32.0	-6.82	0.04	-27.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.13	-0.13	-0.08
Tiền cuối kỳ	64.7	69.4	117	111	111	83.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,082	1,072	1.0%
Tài sản ngắn hạn	223	181	23.2%
Tiền và tương đương tiền	83.4	85.4	-2.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	4.50	832%
Phải thu ngắn hạn	76.5	70.7	8.2%
Hàng tồn kho	12.7	12.4	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.06	7.62	5.8%
Tài sản dài hạn	859	891	-3.5%
Phải thu dài hạn	21.6	17.5	23.3%
Tài sản cố định	509	536	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	109	99.9	9.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.89	6.89	0.0%
Tài sản dài hạn khác	140	144	-3.1%
Lợi thế thương mại	73.0	86.5	-15.7%
Nợ phải trả	527	542	-2.8%
Nợ ngắn hạn	146	153	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	26.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.4	45.1	-6.0%
Nợ dài hạn	381	389	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	224	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	555	530	4.8%
Vốn chủ sở hữu	555	530	4.8%
Vốn điều lệ	905	905	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

